

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 28&29/6/2026**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
1	Trịnh Ngọc Mai Anh	Nữ	24/10/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304006057	6.3	7.0	1556/QĐ313/2026	TH016447	
2	Phạm Trần Ngọc Anh	Nữ	11/12/2003	Ninh Bình	Kinh	036303001971	6.3	7.5	1557/QĐ313/2026	TH016448	
3	Lê Linh Đan	Nữ	09/7/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304007650	7.7	7.5	1558/QĐ313/2026	TH016449	
4	Đình Minh Đức	Nam	31/10/2003	Hà Nội	Kinh	001203009096	6.0	8.0	1559/QĐ313/2026	TH016450	
5	Trần Thị Trà Giang	Nữ	10/12/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304022204	6.0	7.5	1560/QĐ313/2026	TH016451	
6	Mai Ngọc Hà	Nữ	08/9/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304005459	6.0	8.0	1561/QĐ313/2026	TH016452	
7	Nguyễn Thị Hải	Nữ	11/10/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304012324	7.0	7.5	1562/QĐ313/2026	TH016453	
8	Nguyễn Thị Tố Lan	Nữ	19/10/1977	Hà Tĩnh	Kinh	042177007004	7.3	7.5	1563/QĐ313/2026	TH016454	
9	Lương Quý Mạnh	Nam	16/7/1986	Nghệ An	Thái	040086013265	5.3	7.5	1564/QĐ313/2026	TH016455	
10	Võ Thị Lê Na	Nữ	22/11/2005	Nghệ An	Kinh	040305017629	7.7	8.0	1565/QĐ313/2026	TH016456	
11	Cao Đình Nam	Nam	10/8/2003	Nghệ An	Kinh	040203025157	6.3	6.0	1566/QĐ313/2026	TH016457	
12	Lê Thị Thanh Ngân	Nữ	10/6/2005	Hà Tĩnh	Kinh	042305010402	6.0	8.0	1567/QĐ313/2026	TH016458	
13	Nguyễn Thị Thúy Ngân	Nữ	22/11/2005	Nghệ An	Kinh	040305011377	5.0	8.0	1568/QĐ313/2026	TH016459	
14	Đình Thị Ngọc	Nữ	22/01/2005	Nghệ An	Kinh	040305010419	7.3	7.5	1569/QĐ313/2026	TH016460	
15	Vì Yến Ngọc	Nữ	22/8/2005	Nghệ An	Thái	040305002266	7.3	8.0	1570/QĐ313/2026	TH016461	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
16	Lê Đức Nhật	Nam	30/5/2004	Nghệ An	Kinh	040204002708	6.3	8.0	1571/QĐ313/2026	TH016462	
17	Đinh Thị Phương	Nữ	05/8/1987	Nghệ An	Kinh	040187026768	7.0	9.0	1572/QĐ313/2026	TH016463	
18	Dương Hồng Quân	Nam	20/10/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042204005497	7.0	8.5	1573/QĐ313/2026	TH016464	
19	Dương Mạnh Sơn	Nam	14/4/1980	Nghệ An	Kinh	040080007878	6.3	6.5	1574/QĐ313/2026	TH016465	
20	Lê Thị Thảo	Nữ	13/02/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304007389	5.3	7.0	1575/QĐ313/2026	TH016466	
21	Phạm Phương Thảo	Nữ	17/9/2004	Thanh Hóa	Mường	038304022829	6.0	7.5	1576/QĐ313/2026	TH016467	
22	Lê Thị Thiên Thoa	Nữ	15/5/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304011526	5.3	7.5	1577/QĐ313/2026	TH016468	
23	Vũ Thị Thu Trang	Nữ	12/10/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304010215	7.3	7.0	1578/QĐ313/2026	TH016469	
24	Lê Thu Uyên	Nữ	02/02/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304005118	5.7	7.0	1579/QĐ313/2026	TH016470	
25	Nguyễn Công Việt	Nam	25/3/1991	Nghệ An	Kinh	040091091306	5.0	8.0	1580/QĐ313/2026	TH016471	
26	Hà Huy An	Nam	25/10/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042204010360	5.0	7.0	1581/QĐ313/2026	TH016472	
27	Nguyễn Thu An	Nữ	07/5/2004	Tây Ninh	Kinh	072304000552	7.3	8.0	1582/QĐ313/2026	TH016473	
28	Nguyễn Thị Minh Diệp	Nữ	20/6/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304008302	6.7	8.0	1583/QĐ313/2026	TH016474	
29	Võ Thị Hà	Nữ	10/10/1991	Nghệ An	Kinh	040191032039	7.3	8.0	1584/QĐ313/2026	TH016475	
30	Lê Thị Thúy Hằng	Nữ	14/4/2004	Nghệ An	Kinh	040304018139	6.0	7.5	1585/QĐ313/2026	TH016476	
31	Dương Thị Mỹ Hạnh	Nữ	28/6/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304031143	6.3	7.5	1586/QĐ313/2026	TH016477	
32	Ngô Thị Hồng Hạnh	Nữ	04/10/1995	Nghệ An	Kinh	040195031385	5.3	6.5	1587/QĐ313/2026	TH016478	
33	Cao Thị Thúy Hiền	Nữ	21/10/2003	Nghệ An	Kinh	040303020609	7.3	7.5	1588/QĐ313/2026	TH016479	
34	Hồ Thị Lan Hương	Nữ	20/9/2004	Nghệ An	Kinh	040304008320	6.0	7.5	1589/QĐ313/2026	TH016480	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
35	Vương Thành Luân	Nam	26/3/1985	Nghệ An	Kinh	040085005060	5.0	7.5	1590/QĐ313/2026	TH016481	
36	Trần Thị Hương Lý	Nữ	24/7/1994	Nghệ An	Kinh	040194020242	7.0	7.5	1591/QĐ313/2026	TH016482	
37	Lưu Thị Hồng Ngọc	Nữ	08/8/2005	Nghệ An	Kinh	040305014324	5.0	9.0	1592/QĐ313/2026	TH016483	
38	Vũ Thị Nguyệt	Nữ	08/12/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304010311	8.3	6.5	1593/QĐ313/2026	TH016484	
39	Nguyễn Anh Thắng	Nam	10/6/1988	Nghệ An	Kinh	040088030685	8.7	9.0	1594/QĐ313/2026	TH016485	
40	Nguyễn Thị Thành	Nữ	08/4/2004	Nghệ An	Kinh	040304012025	5.0	7.5	1595/QĐ313/2026	TH016486	
41	Cao Thị Phương Thảo	Nữ	04/02/2004	Nghệ An	Kinh	040304007286	7.0	7.0	1596/QĐ313/2026	TH016487	
42	Cao Thị Thảo	Nữ	15/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304007677	5.3	7.0	1597/QĐ313/2026	TH016488	
43	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	17/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304022258	7.7	7.0	1598/QĐ313/2026	TH016489	
44	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	01/4/2004	Nghệ An	Kinh	040304019029	5.7	8.0	1599/QĐ313/2026	TH016490	
45	Trần Thị Thanh Trà	Nữ	22/02/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304005688	6.0	8.0	1600/QĐ313/2026	TH016491	
46	Hồ Đức Vĩnh	Nam	03/5/1987	Nghệ An	Kinh	040087005394	5.3	7.0	1601/QĐ313/2026	TH016492	
47	Nguyễn Thị YẾN	Nữ	14/8/1995	Nghệ An	Kinh	040195009254	6.7	9.0	1602/QĐ313/2026	TH016493	
48	Nguyễn Võ Quỳnh Anh	Nữ	07/8/2004	Nghệ An	Kinh	040304003734	6.7	7.5	1603/QĐ313/2026	TH016494	
49	Lê Thị Trà Giang	Nữ	11/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304011697	7.0	7.0	1604/QĐ313/2026	TH016495	
50	Trần Thị Thu Hiền	Nữ	18/01/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304001730	5.7	6.0	1605/QĐ313/2026	TH016496	
51	Võ Thị Kim Hồng	Nữ	05/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304015323	5.7	8.0	1606/QĐ313/2026	TH016497	
52	Moong Y Kim	Nữ	16/12/2004	Nghệ An	Khơ Mú	040304024176	6.0	5.5	1607/QĐ313/2026	TH016498	
53	Trịnh Thùy Linh	Nữ	18/8/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304029322	6.7	8.0	1608/QĐ313/2026	TH016499	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
54	Đậu Thị Hoài Mỹ	Nữ	10/9/2004	Nghệ An	Kinh	040304016055	5.0	7.5	1609/QĐ313/2026	TH016500	
55	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	Nữ	02/9/2004	Nghệ An	Kinh	040304002128	6.3	9.0	1610/QĐ313/2026	TH016501	
56	Lê Thị Ngọc	Nữ	29/10/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304030000	6.3	7.0	1611/QĐ313/2026	TH016502	
57	Hà Thị Quỳnh Như	Nữ	19/8/2004	Nghệ An	Thái	040304002302	6.3	7.5	1612/QĐ313/2026	TH016503	
58	Nguyễn Thị Kiều Oanh	Nữ	08/11/2004	Nghệ An	Kinh	040304029293	5.3	6.5	1613/QĐ313/2026	TH016504	
59	Nguyễn Thị Thu Oanh	Nữ	15/9/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304004165	6.0	8.5	1614/QĐ313/2026	TH016505	
60	Thái Thị Thu Phương	Nữ	26/8/2004	Nghệ An	Kinh	040304024225	6.3	8.5	1615/QĐ313/2026	TH016506	
61	Phạm Thị Đỗ Quyên	Nữ	21/12/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304005357	5.0	7.0	1616/QĐ313/2026	TH016507	
62	Phan Thị Quyên	Nữ	04/9/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304003258	5.7	7.5	1617/QĐ313/2026	TH016508	
63	Phạm Hồng Thái	Nam	04/01/2002	Nghệ An	Kinh	040202009442	7.7	7.5	1618/QĐ313/2026	TH016509	
64	Võ Thị Thơm	Nữ	12/8/2004	Nghệ An	Kinh	040304026667	5.7	7.5	1619/QĐ313/2026	TH016510	
65	Nguyễn Hoài Thương	Nữ	12/4/2004	Nghệ An	Kinh	04030400569	7.3	7.5	1620/QĐ313/2026	TH016511	
66	Nguyễn Anh Tuấn	Nam	11/5/2002	Nghệ An	Kinh	040202020426	7.7	7.0	1621/QĐ313/2026	TH016512	
67	Nguyễn Thảo Vân	Nữ	02/7/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304008091	5.7	8.5	1622/QĐ313/2026	TH016513	
68	Nguyễn Khánh Vân	Nữ	07/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304013018	8.0	8.0	1623/QĐ313/2026	TH016514	
69	Trần Thị Vân Anh	Nữ	03/01/2004	Thanh Hóa	Kinh	038304025498	5.3	7.5	1624/QĐ313/2026	TH016515	
70	Trịnh Quốc Anh	Nam	10/4/1994	Nghệ An	Kinh	040094028650	7.3	9.0	1625/QĐ313/2026	TH016516	
71	Nguyễn Văn Đức	Nam	26/9/1996	Nghệ An	Kinh	040096001829	7.0	7.0	1626/QĐ313/2026	TH016517	
72	Hoàng Khắc Đức	Nam	15/4/1981	Nghệ An	Kinh	040081004652	7.7	7.5	1627/QĐ313/2026	TH016518	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
73	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	04/6/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304013320	5.0	6.5	1628/QĐ313/2026	TH016519	
74	Phạm Thị Mỹ Hạnh	Nữ	04/9/2005	Nghệ An	Thổ	040305015342	7.0	6.0	1629/QĐ313/2026	TH016520	
75	Thái Thị Minh	Nữ	01/4/1985	Nghệ An	Kinh	040185024749	6.3	6.5	1630/QĐ313/2026	TH016521	
76	Nguyễn Thị Ngân	Nữ	24/01/2001	Nghệ An	Kinh	040301018286	6.7	7.0	1631/QĐ313/2026	TH016522	
77	Nguyễn Gia Bảo Ngọc	Nữ	29/11/2004	Nghệ An	Kinh	040304012634	7.7	9.0	1632/QĐ313/2026	TH016523	
78	Trần Thị Nhung	Nữ	01/3/2004	Nghệ An	Kinh	040304017250	5.7	9.0	1633/QĐ313/2026	TH016524	
79	Hồ Thị Nhật Quyên	Nữ	01/11/2005	Nghệ An	Kinh	040305017324	5.7	7.0	1634/QĐ313/2026	TH016525	
80	Nguyễn Thị Hoài Thương	Nữ	16/3/2002	Nghệ An	Kinh	040302009585	7.3	9.0	1635/QĐ313/2026	TH016526	
81	Nguyễn Thị Thùy	Nữ	29/02/2004	Nghệ An	Kinh	040304024730	6.0	7.0	1636/QĐ313/2026	TH016527	
82	Phan Nguyễn Cẩm Tiên	Nữ	16/7/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304007741	7.7	8.5	1637/QĐ313/2026	TH016528	
83	Nguyễn Thị Trà	Nữ	21/7/2004	Nghệ An	Kinh	040304027586	7.0	9.0	1638/QĐ313/2026	TH016529	
84	Nguyễn Thị Minh Trang	Nữ	17/10/2003	Nghệ An	Kinh	040303022861	5.0	7.0	1639/QĐ313/2026	TH016530	
85	Lê Thị Thảo Vân	Nữ	16/01/2004	Nghệ An	Thái	040304003535	6.7	9.0	1640/QĐ313/2026	TH016531	
86	Nguyễn Lương Thảo Vy	Nữ	16/8/2004	Nghệ An	Kinh	040304024705	6.0	9.0	1641/QĐ313/2026	TH016532	

